

Số: 111/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 30 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/07/2022 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng M, sinh năm 1985

Địa chỉ: khu 3, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng M và anh Nguyễn Văn Đ.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Hồng M và anh Nguyễn Văn Đ thoả thuận thuận tình ly hôn.
 - 2.2. *Về con chung:* Hai bên thoả thuận, kể từ ngày 23/8/2022, chị Phạm Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Minh C, sinh ngày 12/9/2012; anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 09/11/2015 cho đến

khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Chị M và anh Đ đều có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận, chị M và anh Đ có tài sản chung là số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn) hiện nay do anh Đ đang quản lý. Anh Đ được sở hữu và sử dụng số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn). Số tiền còn lại 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn), anh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phạm Thị Hồng M. Thời hạn thanh toán như sau:

- Ngày 26/8/2022, anh Đ thanh toán cho chị M số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn). (Xác nhận anh Đ đã thanh toán xong cho chị M số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn) vào ngày 25/8/2022)

- Ngày 15/12/2023, anh Đ thanh toán cho chị M số tiền còn lại là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ khi hết thời hạn thỏa thuận trả nợ trên, nếu anh Đ không trả được số tiền trên, chị M có đơn đề nghị thi hành án thì anh Đ phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.4. *Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, ruộng đất nông nghiệp*: Chị M và anh Đ tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí*: Chị Phạm Thị Hồng M tự nguyện nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003474 ngày 22/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Phạm Thị Hồng M 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã Hanh Cù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan